

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM: NHỮNG BƯỚC TIẾN, GIỚI HẠN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TỪ LUẬT NĂM 2016 ĐẾN LUẬT SỬA ĐỔI NĂM 2026

✍ TS. Nguyễn Trung Thành.

Viện Khoa học Môi trường và Xã hội

✍ Nguyễn Thanh Bình

Viện Nghiên cứu Pháp luật và Trợ giúp pháp lý

● **TÓM TẮT:** Bài viết phân tích sự phát triển của pháp luật về tiếp cận thông tin ở Việt Nam từ Luật năm 2016 đến Luật sửa đổi năm 2026 trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và chuyển đổi số. Trên cơ sở tiếp cận lý thuyết quyền và phân tích chính sách, bài viết chỉ ra rằng mặc dù khuôn khổ pháp lý đã có bước tiến theo hướng mở rộng phạm vi thông tin và đa dạng hóa phương thức tiếp cận, nhưng vẫn tồn tại khoảng trống trong việc thiết lập quyền tiếp cận thông tin như một thiết chế có khả năng phát huy đầy đủ vai trò trong việc góp phần tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước. Thông qua so sánh hai đạo luật, bài viết lập luận rằng sự phát triển hiện nay chủ yếu diễn ra theo chiều rộng của kỹ thuật thực hiện quyền, trong khi các điều kiện bảo đảm thực thi, đặc biệt là nghĩa vụ giải trình và tính liên thông của hệ thống pháp luật, vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa quyền của công dân và nghĩa vụ của Nhà nước, góp phần nâng cao hiệu lực quản trị và củng cố nền tảng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

● **Từ khóa:** Quyền tiếp cận thông tin; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; minh bạch; trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực; chuyển đổi số; pháp luật Việt Nam

● **ABSTRACT:** This article analyzes the development of the legal framework on access to information in Vietnam from the 2016 Law to the amended Law of 2026 in the context of building a socialist rule-of-law state and advancing digital transformation. Based on a rights-based theoretical approach and policy analysis, the paper points out that although the legal framework has made progress in expanding the scope of accessible information and diversifying methods of access, there remain gaps in establishing the right to access information as an institution capable of fully realizing its role in enhancing transparency and accountability of state agencies. Through a comparison of the two laws, the article

argues that current developments have primarily occurred in terms of the breadth of technical implementation of the right, while the conditions ensuring effective enforcement particularly accountability obligations and the coherence of the legal system still require further improvement. On this basis, the article proposes orientations for improving the legal framework toward a closer linkage between citizens' rights and the State's obligations, thereby enhancing governance effectiveness and strengthening the foundation of Vietnam's socialist rule-of-law state in the new period.

● **Keywords:** Right of access to information; socialist rule-of-law state; transparency; accountability; power control; digital transformation; Vietnamese law.

Ngày nhận bài: 01/6/2026 - Ngày bình duyệt: 03/7/2026 - Ngày duyệt đăng: 09/7/2026

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền tiếp cận thông tin trong Nhà nước pháp quyền hiện đại không chỉ được nhìn nhận như một quyền cá nhân mang tính thụ hưởng, mà đã trở thành một thiết chế có ý nghĩa cấu trúc trong việc bảo đảm minh bạch, trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực nhà nước. Về bản chất, quyền này vừa là một quyền con người, quyền công dân, vừa là điều kiện để xã hội giám sát hoạt động của bộ máy công quyền, qua đó góp phần hạn chế sự tùy tiện và bảo đảm tính hợp pháp của việc thực thi quyền lực. Trong hệ thống quyền con người, quyền tiếp cận thông tin có vai trò trung gian đặc biệt, bởi nó tạo nền tảng để thực hiện các quyền tự do khác và đồng thời là công cụ để kiểm chứng tính chính danh của quyền lực nhà nước (UN Human Rights Committee, 2011; Ackerman & Sandoval-Ballesteros, 2006).

Ở Việt Nam, quyền tiếp cận thông tin được hiến định tại Điều 25 Hiến pháp năm 2013, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy lập hiến từ “quyền được thông tin” sang “quyền tiếp cận thông tin”. Sự thay đổi này phản ánh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong đó quyền lực nhà nước phải được thực hiện công khai, minh bạch và chịu sự kiểm soát của Nhân dân. Trong cấu trúc đó, quyền tiếp cận thông tin không thể tách rời nghĩa vụ của Nhà nước trong việc bảo đảm điều kiện thực hiện quyền, mà phải được

thiết kế trong mối quan hệ thống nhất giữa quyền của công dân và trách nhiệm công khai, giải trình của cơ quan nhà nước. Đây chính là biểu hiện cụ thể của nguyên tắc quyền con người gắn liền với nghĩa vụ của Nhà nước trong bảo đảm và thực thi quyền.

Cơ sở khoa học cho việc xác lập quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam được hình thành rõ nét trong các nghiên cứu cấp Nhà nước trước khi ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. Trong đó, hướng nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin đã làm rõ nội hàm của quyền này như một quyền con người, quyền công dân và là công cụ để thực hiện dân chủ, giám sát xã hội và kiểm soát quyền lực nhà nước. Các nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin không chỉ phụ thuộc vào việc ghi nhận quyền trong pháp luật, mà còn phụ thuộc vào mức độ minh bạch và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp và công khai thông tin (Nguyễn Minh Thuyết et al., 2016).

Trên cơ sở đó, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 được ban hành, thiết lập khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Luật đã tạo ra bước chuyển từ cơ chế “xin - cho” sang cơ chế pháp lý dựa trên quyền, trong đó công dân có quyền yêu cầu và cơ quan nhà nước có nghĩa vụ cung cấp thông tin. Tuy nhiên, cách thiết kế của Luật năm 2016 cho thấy quyền tiếp cận thông tin chủ yếu vẫn được đặt trong không gian hành chính, gắn với

thủ tục cung cấp thông tin, trong khi chưa phát triển đầy đủ như một thiết chế pháp quyền có khả năng tác động đến toàn bộ quá trình thực hiện và kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt trong mối quan hệ với cơ chế tư pháp và bảo đảm tiếp cận công lý (Nguyễn Trung Thành, 2023).

Sau Luật năm 2016, hướng nghiên cứu về tiếp cận thông tin tiếp tục được phát triển theo chiều sâu, gắn với các thành tố của quản trị công hiện đại, đặc biệt là công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan hành chính nhà nước. Trong đó, đề tài khoa học cấp Nhà nước về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước đã làm rõ rằng quyền tiếp cận thông tin chỉ có ý nghĩa thực chất khi được đặt trong mối quan hệ với nghĩa vụ của Nhà nước trong việc công khai thông tin, giải trình về quyết định và hành vi công quyền, cũng như chịu trách nhiệm pháp lý về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đó. Theo hướng tiếp cận này, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình không chỉ là yêu cầu quản trị, mà còn là điều kiện bảo đảm tính hợp pháp, tính chính danh và khả năng kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền (Phan Trung Lý & Nguyễn Trung Thành, 2020). Khi nghĩa vụ công khai và giải trình không được bảo đảm, quyền tiếp cận thông tin có nguy cơ bị thu hẹp thành một thủ tục hành chính, không đủ khả năng tạo ra cơ chế kiểm soát quyền lực thực chất.

Các nghiên cứu đăng tải trên Tạp chí Cộng sản, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp và các tạp chí pháp lý chủ lực trong nước thời gian qua đã tiếp tục phát triển các luận điểm này theo hướng nhấn mạnh mối quan hệ hữu cơ giữa quyền tiếp cận thông tin, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các công trình này cho thấy việc hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin không thể tách rời khỏi yêu cầu hoàn thiện cơ chế kiểm soát

quyền lực, phòng, chống tham nhũng và nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước trước Nhân dân. Như vậy, từ năm 2016 đến nay, một dòng phát triển lý luận và thực tiễn tương đối rõ nét đã hình thành, trong đó quyền tiếp cận thông tin được nhìn nhận ngày càng đầy đủ hơn trong mối quan hệ với nghĩa vụ của Nhà nước và các nguyên tắc của quản trị công hiện đại.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết. Sự phát triển của dữ liệu số và các nền tảng công nghệ làm thay đổi căn bản cách thức tạo lập và cung cấp thông tin, đồng thời đặt ra yêu cầu pháp luật phải bảo đảm không chỉ khả năng tiếp cận thông tin, mà còn khả năng sử dụng, kiểm chứng và giám sát thông tin một cách hiệu quả. Minh bạch trong môi trường số không chỉ là việc công khai thông tin, mà còn là việc bảo đảm khả năng tiếp cận bình đẳng, kịp thời và có ý nghĩa đối với người dân và xã hội (OECD, 2020). Điều này đòi hỏi pháp luật về tiếp cận thông tin phải được hoàn thiện theo hướng gắn chặt hơn với trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực.

Luật Tiếp cận thông tin sửa đổi năm 2026 được ban hành trong bối cảnh đó, với nhiều điểm mới liên quan đến phạm vi thông tin, phương thức cung cấp và ứng dụng công nghệ số. Những thay đổi này phản ánh xu hướng chuyển dịch từ minh bạch hành chính truyền thống sang minh bạch dựa trên dữ liệu và công nghệ. Tuy nhiên, sự phát triển này cũng đặt ra một vấn đề mang tính bản chất: việc mở rộng thông tin và hiện đại hóa phương thức cung cấp có đồng nghĩa với việc nâng cao năng lực kiểm soát quyền lực hay không. Nếu quyền tiếp cận thông tin không được thiết kế đồng bộ với nghĩa vụ giải trình, chế tài thực thi và cơ chế kiểm soát độc lập, thì việc mở rộng thông tin có thể chỉ làm gia tăng tính hình thức của minh bạch, mà không làm thay đổi thực chất quan hệ quyền lực.

Từ những phân tích trên, có thể xác định

một khoảng trống nghiên cứu quan trọng: trong khi các nghiên cứu trước đây đã làm rõ quyền tiếp cận thông tin như một quyền con người và mở rộng sang công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, thì việc đánh giá sự phát triển của pháp luật từ Luật năm 2016 đến Luật sửa đổi năm 2026 trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền và kiểm soát quyền lực vẫn chưa được phân tích đầy đủ. Việc thiếu cách tiếp cận này có thể dẫn đến tình trạng đánh giá pháp luật chỉ dừng ở mức độ kỹ thuật lập pháp, mà chưa làm rõ được mức độ bảo đảm quyền trong thực tiễn.

Trên cơ sở đó, bài viết này tiếp cận việc so sánh Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật sửa đổi năm 2026 trên nền tảng hai trục học thuật chính: quyền tiếp cận thông tin với tư cách là quyền con người và công cụ giám sát xã hội, và công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình với tư cách là nghĩa vụ của Nhà nước trong Nhà nước pháp quyền. Từ đó, bài viết tập trung làm rõ những điểm tiến bộ của Luật sửa đổi năm 2026, đồng thời phân tích những hạn chế, khoảng trống và thách thức còn tồn tại, nhằm góp phần định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng bảo đảm quyền tiếp cận thông tin một cách thực chất, gắn với kiểm soát quyền lực và nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia trong giai đoạn phát triển mới.

2. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TỪ LUẬT NĂM 2016 ĐẾN LUẬT SỬA ĐỔI NĂM 2026 TRONG BỐI CẢNH NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Quyền tiếp cận thông tin, trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không chỉ được ghi nhận như một quyền hiến định, mà từng bước được cụ thể hóa và phát triển thành một thiết chế pháp lý có vai trò ngày càng rõ nét trong việc bảo đảm minh bạch và nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước. Nếu tiếp cận từ góc độ lý thuyết quyền hiện đại, quyền tiếp cận thông

tin có thể được xem là một quyền có tính cấu trúc, bởi nó không chỉ phục vụ lợi ích trực tiếp của cá nhân, mà còn góp phần tạo lập điều kiện để tăng cường hiệu lực, hiệu quả của quản trị nhà nước và củng cố niềm tin của xã hội đối với hệ thống công quyền (UN Human Rights Committee, 2011; Ackerman & Sandoval-Ballesteros, 2006).

Trong bối cảnh đó, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu bước chuyển từ việc ghi nhận quyền ở cấp độ hiến định sang việc thiết lập cơ chế pháp lý cụ thể để thực hiện quyền. Luật đã xác lập nguyên tắc công dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin và cơ quan nhà nước có nghĩa vụ đáp ứng, đồng thời quy định các hình thức tiếp cận thông tin, bao gồm công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu. Việc thiết lập khuôn khổ này đã góp phần tạo nền tảng cho việc từng bước hình thành môi trường minh bạch trong hoạt động của bộ máy nhà nước, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng nền hành chính phục vụ (Quốc hội, 2016).

Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, có thể nhận thấy rằng cách tiếp cận của Luật năm 2016 vẫn mang tính chất từng bước, chủ yếu tập trung vào việc thiết lập thủ tục và trách nhiệm cung cấp thông tin trong khuôn khổ hành chính. Quyền tiếp cận thông tin, vì vậy, được thực hiện chủ yếu thông qua cơ chế yêu cầu – đáp ứng, trong khi nghĩa vụ công khai chủ động và trách nhiệm giải trình chưa được phát triển đầy đủ. Điều này dẫn đến thực tế là quyền tiếp cận thông tin đã được mở ra về mặt pháp lý, nhưng trong một số trường hợp vẫn chưa phát huy hết vai trò trong việc hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và hiệu quả, đặc biệt khi phát sinh tranh chấp hoặc khi cần sử dụng thông tin để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp.

Những hạn chế này không phải là điểm bất thường, mà phản ánh đặc điểm của một giai đoạn chuyển đổi trong quá trình hoàn

thiện thể chế. Các nghiên cứu trong nước đã chỉ ra rằng việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cần được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nghĩa vụ của Nhà nước trong việc công khai thông tin và thực hiện trách nhiệm giải trình (Nguyễn Minh Thuyết et al., 2016). Theo đó, quyền của công dân và nghĩa vụ của cơ quan nhà nước không thể tồn tại độc lập, mà phải được thiết kế như hai yếu tố bổ trợ lẫn nhau, tạo thành một chỉnh thể thống nhất trong cấu trúc của Nhà nước pháp quyền.

Trên nền tảng đó, các nghiên cứu tiếp theo về công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình đã tiếp tục làm rõ yêu cầu phải gắn kết chặt chẽ quyền tiếp cận thông tin với nghĩa vụ của cơ quan nhà nước. Theo cách tiếp cận này, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình không chỉ là yêu cầu về quản trị, mà còn là điều kiện quan trọng để bảo đảm tính hợp pháp, tính chính danh và hiệu lực của quyền lực nhà nước trong quá trình thực thi (Phan Trung Lý & Nguyễn Trung Thành, 2020). Khi các yếu tố này được bảo đảm đầy đủ, quyền tiếp cận thông tin không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin, mà còn góp phần nâng cao chất lượng quyết định công và tăng cường sự tham gia của người dân trong quản trị nhà nước.

Trong bối cảnh chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ số, yêu cầu hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin càng trở nên cấp thiết. Sự phát triển của dữ liệu số, các nền tảng công nghệ và hệ thống thông tin công đã mở ra khả năng mở rộng đáng kể việc tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp. Tuy nhiên, điều này cũng đặt ra yêu cầu pháp luật phải thích ứng với những thay đổi mới, bảo đảm rằng việc công khai và cung cấp thông tin không chỉ dừng lại ở hình thức, mà thực sự phục vụ nhu cầu tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin trong thực tiễn (OECD, 2020).

Luật Tiếp cận thông tin sửa đổi năm 2026 được ban hành trong bối cảnh đó, với

những nội dung điều chỉnh theo hướng mở rộng phạm vi thông tin, tăng cường công khai trên môi trường số và đa dạng hóa phương thức tiếp cận. So với Luật năm 2016, các quy định mới cho thấy sự chuyển dịch rõ nét từ cách tiếp cận thông tin dựa trên tài liệu hành chính sang cách tiếp cận dựa trên dữ liệu, phù hợp với yêu cầu của quản trị hiện đại. Đồng thời, việc mở rộng chủ thể và phương thức cung cấp thông tin góp phần tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc thực hiện quyền.

Tuy nhiên, từ góc độ Nhà nước pháp quyền, có thể thấy rằng sự phát triển này chủ yếu diễn ra theo hướng mở rộng và hoàn thiện về kỹ thuật, trong khi việc gắn kết giữa quyền tiếp cận thông tin với nghĩa vụ giải trình và các cơ chế bảo đảm thực thi vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện. Việc công khai thông tin, nếu không đi kèm với trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm tra, giám sát hiệu quả, có thể chưa phát huy đầy đủ vai trò trong việc nâng cao chất lượng quản trị và tăng cường hiệu lực của quyền lực nhà nước. Đồng thời, sự liên thông giữa việc tiếp cận thông tin trong hoạt động hành chính với việc sử dụng thông tin trong các cơ chế kiểm soát khác, bao gồm cả tố tụng hành chính, vẫn là vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

Từ tổng thể các phân tích trên, có thể nhận thấy rằng sự phát triển của pháp luật về tiếp cận thông tin từ năm 2016 đến năm 2026 đã đạt được những bước tiến quan trọng, đặc biệt trong việc mở rộng quyền và thích ứng với bối cảnh chuyển đổi số. Đồng thời, những vấn đề còn tồn tại cũng phản ánh yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa quyền của công dân và nghĩa vụ của Nhà nước, qua đó phát huy đầy đủ vai trò của quyền tiếp cận thông tin trong việc góp phần tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. NHỮNG HẠN CHẾ VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN SỬA ĐỔI NĂM 2026 DƯỚI GÓC ĐỘ TƯ TƯỞNG PHÁP QUYỀN

Mặc dù Luật Tiếp cận thông tin sửa đổi năm 2026 đã có những bước phát triển quan trọng so với Luật năm 2016, đặc biệt trong việc mở rộng phạm vi thông tin và thúc đẩy công khai trên môi trường số, song trong quá trình triển khai và đặt trong yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vẫn còn đặt ra một số vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Những vấn đề này không chỉ mang tính kỹ thuật lập pháp, mà phản ánh yêu cầu nâng cao chất lượng thể chế trong mối quan hệ giữa quyền của công dân và nghĩa vụ của Nhà nước.

Trước hết, quyền tiếp cận thông tin trong pháp luật hiện hành, mặc dù đã được mở rộng, nhưng về cơ bản vẫn chủ yếu được thực hiện thông qua các cơ chế hành chính. Điều này phù hợp với giai đoạn phát triển ban đầu của pháp luật, khi trọng tâm là thiết lập và vận hành các quy trình cung cấp thông tin. Tuy nhiên, trong bối cảnh mới, khi yêu cầu về minh bạch và trách nhiệm giải trình ngày càng cao, việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật theo hướng phát huy đầy đủ hơn vai trò của quyền tiếp cận thông tin trong việc hỗ trợ giám sát xã hội và nâng cao hiệu quả quản trị là cần thiết. Nói cách khác, quyền tiếp cận thông tin cần từng bước được phát triển theo hướng không chỉ bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin, mà còn góp phần nâng cao chất lượng thực thi quyền lực nhà nước.

Thứ hai, mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và nghĩa vụ giải trình của cơ quan nhà nước đã được nhận thức ngày càng rõ hơn trong lý luận và thực tiễn, nhưng việc thể chế hóa mối quan hệ này trong pháp luật vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Trong nhiều trường hợp, việc cung cấp thông tin mới dừng lại ở mức độ đáp ứng yêu cầu về hình thức, trong khi nội

dung thông tin và khả năng giải thích, làm rõ thông tin chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân và xã hội. Điều này cho thấy cần tiếp tục cụ thể hóa nghĩa vụ giải trình trong hệ thống pháp luật, bảo đảm rằng việc công khai và cung cấp thông tin gắn với trách nhiệm giải thích và chịu trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với các quyết định và hành vi công quyền.

Thứ ba, thực tiễn thi hành pháp luật cho thấy việc tiếp cận thông tin trong một số lĩnh vực vẫn còn gặp khó khăn nhất định, đặc biệt trong các trường hợp liên quan đến thông tin chuyên ngành hoặc thông tin do nhiều cơ quan cùng quản lý. Bên cạnh đó, khi phát sinh tranh chấp, việc tiếp cận và sử dụng thông tin trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo hoặc trong tố tụng hành chính đôi khi chưa được bảo đảm một cách thuận lợi. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường tính liên thông giữa pháp luật về tiếp cận thông tin với các lĩnh vực pháp luật có liên quan, qua đó bảo đảm quyền của công dân được thực hiện một cách nhất quán và hiệu quả trong toàn bộ quá trình quản lý và giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, việc xác định các trường hợp hạn chế quyền tiếp cận thông tin là cần thiết nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc, an ninh, trật tự và các lợi ích hợp pháp khác. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng, cần tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí và quy trình để bảo đảm việc hạn chế quyền được thực hiện một cách chặt chẽ, minh bạch và có thể kiểm tra, giám sát. Điều này không chỉ giúp bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tiếp cận thông tin và yêu cầu bảo vệ lợi ích công cộng, mà còn góp phần nâng cao niềm tin của xã hội đối với việc thực thi pháp luật.

Thứ năm, cơ chế bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin, mặc dù đã được quy định, nhưng cần tiếp tục được tăng cường về hiệu quả trong thực tiễn. Việc nâng cao trách nhiệm của cơ quan nhà nước, đặc biệt là trách nhiệm của người đứng đầu

trong việc tổ chức thực hiện quyền tiếp cận thông tin, là yếu tố quan trọng để bảo đảm quyền được thực hiện đầy đủ. Đồng thời, việc hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin cũng là một yêu cầu cần thiết, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu lực của bộ máy hành chính.

Thứ sáu, trong bối cảnh chuyển đổi số, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cần được gắn với việc phát triển và quản trị dữ liệu công. Mặc dù pháp luật đã bước đầu ghi nhận vai trò của công nghệ trong việc cung cấp thông tin, nhưng việc bảo đảm khả năng tiếp cận thông tin một cách thuận lợi, bình đẳng và hiệu quả trên môi trường số vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện. Điều này đòi hỏi phải có các quy định cụ thể hơn về tiêu chuẩn dữ liệu, khả năng truy cập, tính liên thông của hệ thống thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể thấy rằng việc hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin trong giai đoạn hiện nay cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, gắn với việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị và bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Những vấn đề còn tồn tại không làm giảm đi ý nghĩa và giá trị của các bước tiến đã đạt được, mà ngược lại, là cơ sở để tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng ngày càng đồng bộ, hiện đại và phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước.

Việc nhận diện đầy đủ và khách quan các vấn đề đặt ra sẽ góp phần định hướng cho việc xây dựng các nghị định của Chính phủ và các văn bản liên thông trong thời gian tới, bảo đảm rằng quyền tiếp cận thông tin không chỉ được ghi nhận trong pháp luật, mà còn được thực hiện hiệu quả trong thực tiễn, qua đó góp phần tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Nhà nước.

4. ĐỊNH HƯỚNG HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TIẾP CẬN THÔNG TIN THEO HƯỚNG BẢO ĐẢM TÍNH CẤU TRÚC CỦA QUYỀN TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Từ những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển và thực thi pháp luật về tiếp cận thông tin, có thể nhận thấy rằng yêu cầu hoàn thiện trong giai đoạn hiện nay không chỉ dừng lại ở việc bổ sung, điều chỉnh các quy định cụ thể, mà cần hướng tới việc bảo đảm tính đồng bộ và tính cấu trúc của quyền trong tổng thể hệ thống pháp luật. Điều này đòi hỏi một cách tiếp cận mang tính hệ thống, trong đó quyền tiếp cận thông tin được thiết kế và vận hành trong mối quan hệ chặt chẽ với nghĩa vụ của Nhà nước, cơ chế kiểm soát quyền lực và các thiết chế bảo đảm thực thi quyền.

Trước hết, việc hoàn thiện pháp luật cần hướng tới việc làm rõ hơn nội hàm của quyền tiếp cận thông tin như một quyền có tính cấu trúc trong Nhà nước pháp quyền. Trên cơ sở đó, các nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành cần cụ thể hóa nguyên tắc quyền đi đôi với nghĩa vụ, trong đó nghĩa vụ của cơ quan nhà nước không chỉ dừng lại ở việc cung cấp thông tin khi có yêu cầu, mà phải bao gồm nghĩa vụ công khai chủ động và nghĩa vụ giải trình. Công khai thông tin cần được thiết kế như một hoạt động thường xuyên, có tiêu chuẩn, có thể đo lường và kiểm tra, thay vì chỉ mang tính liệt kê danh mục. Đồng thời, nghĩa vụ giải trình cần được quy định rõ về nội dung, phạm vi và trách nhiệm, bảo đảm rằng việc cung cấp thông tin đi kèm với việc giải thích và chịu trách nhiệm đối với thông tin đã cung cấp.

Trên nền tảng đó, một yêu cầu quan trọng là thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa pháp luật về tiếp cận thông tin với các lĩnh vực pháp luật có liên quan, đặc biệt là pháp luật về tổ tụng hành chính. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cần được thực

hiện xuyên suốt, từ giai đoạn hành chính đến giai đoạn giải quyết tranh chấp, qua đó hạn chế tình trạng gián đoạn quyền trong thực tiễn. Các văn bản dưới luật cần quy định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin phục vụ quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo và xét xử, đồng thời tạo điều kiện để thông tin được sử dụng hiệu quả như một nguồn chứng cứ. Việc tăng cường tính liên thông này không chỉ góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, mà còn nâng cao chất lượng giải quyết tranh chấp và hiệu lực của hoạt động tư pháp.

Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật cần đặc biệt chú trọng đến cơ chế kiểm soát việc áp dụng các giới hạn đối với quyền tiếp cận thông tin. Trong Nhà nước pháp quyền, việc hạn chế quyền là cần thiết, nhưng phải được thực hiện trên cơ sở pháp luật rõ ràng, minh bạch và có thể kiểm tra. Do đó, các nghị định và văn bản liên thông cần quy định cụ thể hơn tiêu chí xác định thông tin thuộc diện hạn chế tiếp cận, đồng thời thiết lập quy trình xem xét, đánh giá và giám sát việc từ chối cung cấp thông tin. Việc từ chối cung cấp thông tin cần được giải trình cụ thể, có căn cứ và có thể bị xem xét lại thông qua các cơ chế kiểm tra, giám sát phù hợp. Điều này góp phần bảo đảm sự cân bằng giữa yêu cầu bảo vệ lợi ích quốc gia, an ninh, trật tự với việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Một phương diện quan trọng khác là tăng cường cơ chế bảo đảm thực thi quyền tiếp cận thông tin. Thực tiễn cho thấy hiệu lực của quyền phụ thuộc đáng kể vào mức độ tuân thủ của cơ quan nhà nước và hiệu quả của các chế tài đi kèm. Do đó, các văn bản dưới luật cần quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan trong việc tổ chức thực hiện quyền, đồng thời thiết lập các cơ chế kiểm tra, đánh giá định kỳ về mức độ thực hiện công khai, minh bạch. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá, xếp hạng mức độ minh bạch của cơ quan nhà nước có thể

được xem là một công cụ quản trị hữu hiệu, góp phần thúc đẩy thực thi quyền trên thực tế mà không làm gia tăng gánh nặng hành chính không cần thiết.

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin cần gắn chặt với quản trị dữ liệu công. Quyền tiếp cận thông tin cần từng bước được phát triển theo hướng bao hàm quyền tiếp cận dữ liệu, với các điều kiện bảo đảm về khả năng truy cập, sử dụng và kiểm chứng thông tin. Các nghị định của Chính phủ cần quy định rõ trách nhiệm xây dựng, cập nhật và vận hành các cơ sở dữ liệu công, bảo đảm tính liên thông giữa các hệ thống thông tin và khả năng tiếp cận thuận lợi của người dân. Đồng thời, cần bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật về tiếp cận thông tin với pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân và an ninh mạng, nhằm xử lý hài hòa mối quan hệ giữa minh bạch và bảo vệ thông tin cần thiết.

Cuối cùng, việc hoàn thiện pháp luật về tiếp cận thông tin cần được đặt trong tổng thể yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả quản trị là những yếu tố có mối quan hệ hữu cơ. Việc phát huy đầy đủ vai trò của quyền tiếp cận thông tin không chỉ góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân, mà còn hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy nhà nước, tăng cường niềm tin của Nhân dân và thúc đẩy sự phát triển bền vững của hệ thống chính trị.

Như vậy, các định hướng hoàn thiện pháp luật không nhằm thay đổi bản chất của hệ thống, mà hướng tới việc làm rõ và phát huy đầy đủ hơn các giá trị đã được xác lập trong Hiến pháp và các chủ trương của Đảng. Nếu được cụ thể hóa hiệu quả thông qua các nghị định của Chính phủ và các văn bản liên thông, các định hướng này có thể góp phần quan trọng trong việc chuyển hóa quyền tiếp cận thông tin từ một quyền mang tính hình thức thành một thiết chế có hiệu lực thực chất, phù hợp với yêu cầu phát

triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Tóm lại, Bài viết đã làm rõ rằng sự phát triển của pháp luật về tiếp cận thông tin ở Việt Nam từ Luật năm 2016 đến Luật sửa đổi năm 2026 phản ánh một tiến trình vận động vừa mang tính kế thừa, vừa thích ứng với yêu cầu mới của quản trị công và chuyển đổi số trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên nền tảng lý luận về quyền con người và các nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, quyền tiếp cận thông tin được xác định không chỉ là quyền thụ hưởng, mà là một quyền có ý nghĩa cấu trúc, gắn chặt với nghĩa vụ công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của Nhà nước. Luật sửa đổi năm 2026 đã có những bước tiến quan trọng trong việc mở rộng phạm vi thông tin, đa dạng hóa

phương thức tiếp cận và thúc đẩy công khai trên môi trường số; tuy nhiên, việc gắn kết giữa quyền và nghĩa vụ, giữa minh bạch và trách nhiệm giải trình, cũng như giữa cơ chế hành chính và cơ chế tư pháp vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm hiệu lực thực chất của quyền. Từ đó, bài viết đề xuất định hướng hoàn thiện pháp luật thông qua việc cụ thể hóa nghĩa vụ giải trình, tăng cường liên thông pháp luật, hoàn thiện cơ chế kiểm soát giới hạn quyền, nâng cao hiệu quả thực thi và gắn kết chặt chẽ với quản trị dữ liệu công. Những định hướng này không chỉ nhằm bảo đảm tốt hơn quyền tiếp cận thông tin của công dân, mà còn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị, củng cố niềm tin của Nhân dân và thúc đẩy sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội. (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*.
2. Quốc hội. (2016). *Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13*.
3. Quốc hội. (2026). *Luật Tiếp cận thông tin (sửa đổi)*.
4. Ban Chấp hành Trung ương. (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
5. Nguyễn Minh Thuyết, V., Công Giao, V., & Trung Thành, N. (2016). *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam (Đề tài KX03.17/11-15)*.
6. Phan Trung Lý, & Nguyễn Trung Thành. (2020). *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và những vấn đề đặt ra đối với việc thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình*. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, 15(415).
7. Nguyễn Trung Thành. (2023). *Quyền tiếp cận thông tin trong tổ tụng hành chính ở Việt Nam* (Luận án tiến sĩ).
8. UN Human Rights Committee. (2011). *General Comment No. 34: Article 19 - Freedoms of opinion and expression*.
9. Ackerman, J. M., & Sandoval-Ballesteros, I. E. (2006). The global explosion of freedom of information laws. *Administrative Law Review*, 58(1), 85-130.
10. OECD. (2020). *Open Government and Public Sector Transparency*.